

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm d khoản 1.4 Điều 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (tên viết tắt: P)

Trụ sở: Số 22 phố N, pH T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Quang H, ông Đỗ Hoàng Q (theo Văn bản ủy quyền số 12427/UQ-PVB ngày 11.9.2019 của Ngân hàng TMPC Đ).

**Bị đơn:** Anh Hoàng Văn N, chị Trương Thị H.

HKTT và trú tại: Đội 9, Xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Hoàng Như M - Sinh năm 2013

+ Cháu Hoàng Nam T – Sinh năm 2017

(Cháu M, cháu T do anh N, chị H là người đại diện).

Cùng trú tại: Đội 9, Xã N, huyện T, thành phố Hà Nội

**II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**1.** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (tên viết tắt là P do ông Đoàn Quang H là đại diện theo uỷ quyền và anh Hoàng Văn N, chị Trương Thị H cùng thống nhất xác nhận:

Theo hợp đồng cho vay số 20/05/2018/HĐTD/PVB-HVT; Khế ước nhận nợ số 20/05/2018/KUNN/PVB-HVT ngày 31/05/2018 được ký kết giữa P và anh Hoàng Văn N, chị Trần Thị H. Tính đến ngày 04/08/2020, anh N, chị H còn nợ P số tiền như sau:

- Nợ gốc là 2.249.949.894 đồng;
- Nợ lãi: 702.622.689 đồng, trong đó:
  - + Nợ lãi trong hạn: 546.989.581 đồng;
  - + Nợ lãi quá hạn: 155.633.108 đồng;

**Tổng cộng: 2.952.572.583 đồng** (Hai tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng.

**2. Các bên thống nhất phương thức thanh toán trả nợ như sau:**

- Anh N và chị H thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên chậm nhất vào ngày 15/10/2020.

Anh N, chị H thanh toán trả cho P các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay kể từ ngày 05/8/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp anh N, chị H không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ nợ thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể:

+ Bất động sản có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE579426, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS-TTR 05286/CH 01590 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 03/11/2016 đứng tên anh Hoàng Văn N và chị Trương Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 03907.2018/HĐTC; Quyền số: 02TP/CC-SCC/HĐGD được ký giữa anh Hoàng Văn N, chị Trương Thị H và Ngân hàng TMCP Đ do ông Phạm Quốc T là đại diện. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện T ngày 30/05/2018.

4. Trường hợp số tiền thu hồi được từ việc phát mại tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của anh N, chị H thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của anh N, chị H để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ cho P.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### III. Về án phí:

Anh Hoàng Văn N, chị Trương Thị H và Ngân hàng TMCP Đ, mỗi bên phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **22.762.863 đồng** (*Hai mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*).

Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 19.537.137 đồng (*Mười chín triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006414 ngày 23/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T - Thành phố Hà Nội.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Huyện T;
- Thi hành án dân sự H. T;
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

**THẨM PHÁN****Lê Huyền Thu**